

TÌM HIỂU LUẬT HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ

1. Hòa giải ở cơ sở là gì?

Trả lời:

Ở nước ta hiện nay có những hình thức hòa giải khác nhau: hòa giải tại Tòa án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, hôn nhân và gia đình; hòa giải các tranh chấp lao động, hòa giải bằng trọng tài thương mại; hòa giải tại cộng đồng dân cư thông qua hòa giải ở cơ sở.

Luật hòa giải ở cơ sở đưa ra khái niệm như sau: *“Hòa giải ở cơ sở là việc hòa giải viên hướng dẫn, giúp đỡ các bên đạt được thỏa thuận, tự nguyện giải quyết với nhau các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật theo quy định của Luật hòa giải ở cơ sở”*.

Luật hòa giải ở cơ sở cũng làm rõ và thống nhất cách hiểu về “cơ sở”, đó là: thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố và cộng đồng dân cư khác.

2. Phạm vi điều chỉnh của Luật hòa giải ở cơ sở

Trả lời:

Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013 quy định nguyên tắc, chính sách của Nhà nước về hòa giải ở cơ sở, hòa giải viên, tổ hòa giải; hoạt động hòa giải ở cơ sở; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong hoạt động hòa giải ở cơ sở.

Như vậy, hoạt động hòa giải của Tòa án, trọng tài, hòa giải thương mại, hòa giải lao động và hòa giải tại UBND xã, phường, thị trấn không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013.

3. Được biết ngày 20 tháng 6 năm 2013, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật hòa giải ở cơ sở. Xin hỏi, Luật có quy định như thế nào về phạm vi hòa giải ở cơ sở?

Trả lời:

Theo Điều 3 Luật hòa giải ở cơ sở quy định về phạm vi hòa giải ở cơ sở như sau:

Việc hòa giải ở cơ sở được tiến hành đối với các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật, trừ các trường hợp sau đây:

- Mâu thuẫn, tranh chấp xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng;
- Vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình, giao dịch dân sự mà theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự không được hòa giải;
- Vi phạm pháp luật mà theo quy định phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị xử lý vi phạm hành chính;
- Mâu thuẫn, tranh chấp khác không được hòa giải ở cơ sở theo quy định pháp luật.

4. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động hòa giải ở cơ sở được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 4 Luật hòa giải ở cơ sở quy định nguyên tắc tổ chức, hoạt động hòa giải ở cơ sở như sau:

- Tôn trọng sự tự nguyện của các bên; không bắt buộc, áp đặt các bên trong hòa giải ở cơ sở.

- Bảo đảm phù hợp với chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạo đức xã hội, phong tục, tập quán tốt đẹp của nhân dân; phát huy tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình, dòng họ và cộng đồng dân cư; quan tâm đến quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em, phụ nữ, người khuyết tật và người cao tuổi.

- Khách quan, công bằng, kịp thời, có lý, có tình; giữ bí mật thông tin đời tư của các bên, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều 10 của Luật hòa giải ở cơ sở.

- Tôn trọng ý chí, quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác; không xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng.

- Bảo đảm bình đẳng giới trong tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở.

- Không lợi dụng hòa giải ở cơ sở để ngăn cản các bên liên quan bảo vệ quyền lợi của mình theo quy định của pháp luật hoặc trốn tránh việc xử lý vi phạm hành chính, xử lý về hình sự.

5. Luật hòa giải ở cơ sở có quy định về kinh phí cho hoạt động hòa giải ở cơ sở hay không? Chính sách của Nhà nước đối với công tác hòa giải ở cơ sở như thế nào?

Trả lời:

Để bảo đảm cho hoạt động của tổ hòa giải và hòa giải viên, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hòa giải cơ sở, Khoản 3 Điều 5 của Luật quy định: Nhà nước tạo điều kiện, hỗ trợ cho hoạt động hòa giải ở cơ sở;

Điều 6 quy định cụ thể về hỗ trợ kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở như sau:

“Nhà nước hỗ trợ kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở để biên soạn, phát hành tài liệu; tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ, kỹ năng về hòa giải ở cơ sở; sơ kết, tổng kết, khen thưởng đối với công tác hòa giải ở cơ sở; chi thù lao cho hòa giải viên theo vụ, việc và hỗ trợ các chi phí cần thiết khác cho hoạt động hòa giải ở cơ sở.

Ngân sách trung ương chi bổ sung cho các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách để hỗ trợ kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở”.

Chính sách của Nhà nước đối với công tác hòa giải ở cơ sở:

- Khuyến khích các bên giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp bằng hình thức hòa giải ở cơ sở và các hình thức hòa giải thích hợp khác.

Khuyến khích những người có uy tín trong gia đình, dòng họ, cộng đồng dân cư tham gia hòa giải ở cơ sở và tham gia các hình thức hòa giải thích hợp khác.

- Phát huy vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong công tác hòa giải ở cơ sở.

- Tạo điều kiện, hỗ trợ cho hoạt động hòa giải ở cơ sở; khuyến khích tổ chức, cá nhân đóng góp, hỗ trợ cho hoạt động hòa giải ở cơ sở.

6. Bản tôi đang tiến hành kiện toàn Tổ hòa giải, tôi rất muốn được tham gia hoạt động hòa giải. Vậy xin hỏi, muốn làm hòa giải viên thì phải đáp ứng yêu cầu gì?

Trả lời:

Với chủ trương thu hút, khuyến khích cá nhân tự nguyện tham gia hoạt động hòa giải ở cơ sở, Điều 7 Luật hòa giải ở cơ sở quy định về tiêu chuẩn hòa giải viên như sau:

Người được bầu làm hòa giải viên phải là công dân Việt Nam thường trú tại cơ sở, tự nguyện tham gia hoạt động hòa giải và có các tiêu chuẩn sau đây:

- Có phẩm chất đạo đức tốt; có uy tín trong cộng đồng dân cư;
- Có khả năng thuyết phục, vận động nhân dân; có hiểu biết pháp luật.

7. Xin hỏi, việc bầu, công nhận hòa giải viên được Luật hòa giải ở cơ sở quy định như thế nào?

Trả lời:

Việc bầu hòa giải viên thể hiện tính dân chủ ở cơ sở, theo đó người dân được trực tiếp lựa chọn, bầu ra những người có đủ uy tín, đủ sự tin cậy về mọi phương diện mà khi có mâu thuẫn, vi phạm pháp luật và tranh chấp họ có thể tin tưởng tìm đến. Mặt khác, khi hòa giải viên được người lựa chọn, bầu lên sẽ làm tăng trách nhiệm của hòa giải viên đối với người dân.

Điều 8 Luật hòa giải ở cơ sở quy định về việc bầu, công nhận hòa giải viên như sau:

1. Người có đủ tiêu chuẩn làm hòa giải viên có quyền ứng cử hoặc được Ban công tác Mặt trận phối hợp với các tổ chức thành viên của Mặt trận giới thiệu vào danh sách bầu hòa giải viên.

2. Trưởng ban công tác Mặt trận chủ trì, phối hợp với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố tổ chức bầu hòa giải viên ở thôn, tổ dân phố bằng một trong các hình thức sau đây:

- Biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín tại cuộc họp đại diện các hộ gia đình;
- Phát phiếu lấy ý kiến các hộ gia đình.

3. Kết quả bầu hòa giải viên:

- Người được đề nghị công nhận là hòa giải viên phải đạt trên 50% đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố đồng ý;

- Trường hợp số người đạt trên 50% đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố đồng ý nhiều hơn số lượng hòa giải viên được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thì danh sách người được đề nghị công nhận là hòa giải viên lấy theo kết quả bỏ phiếu từ cao xuống thấp;

- Trường hợp số người được bầu không đủ để thành lập tổ hòa giải thì tổ chức bầu bổ sung cho đủ số lượng;

- Trường ban công tác Mặt trận lập danh sách người được đề nghị công nhận là hòa giải viên gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận hòa giải viên. Quyết định công nhận hòa giải viên được gửi cho Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Trưởng ban công tác Mặt trận, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, hòa giải viên và thông báo công khai ở thôn, tổ dân phố.

8. Vừa qua, tôi được UBND phường Quyết Tiến công nhận là hòa giải viên. Vậy xin hỏi, là hòa giải viên, tôi có quyền và nghĩa vụ gì?

Trả lời:

Nhằm giúp hòa giải viên thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, khắc phục hạn chế trong hoạt động hòa giải, tránh quan niệm về hòa giải viên là “ăn cơm nhà vác tù và hàng tổng” làm ảnh hưởng đến tâm tư, tình cảm của một bộ phận hòa giải viên, Luật hòa giải ở cơ sở đã quy định về quyền và nghĩa vụ của hòa giải viên tại Điều 9 và 10, cụ thể:

* Hòa giải viên có những quyền sau:

- Thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở.
- Đề nghị các bên có liên quan cung cấp tài liệu, thông tin liên quan đến vụ, việc hòa giải.

- Tham gia sinh hoạt, thảo luận và quyết định nội dung, phương thức hoạt động của tổ hòa giải.

- Được bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ và kỹ năng hòa giải; được cung cấp tài liệu liên quan đến hoạt động hòa giải.

- Hưởng thù lao theo vụ, việc khi thực hiện hòa giải.

- Được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

- Được hỗ trợ, tạo điều kiện để khắc phục hậu quả nếu gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải.

- Kiến nghị, đề xuất về các vấn đề liên quan đến hoạt động hòa giải.

* Hòa giải viên có những nghĩa vụ như sau:

- Thực hiện hòa giải khi có căn cứ theo quy định tại Điều 16 của Luật này.

- Tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 4 của Luật này.

- Từ chối tiến hành hòa giải nếu bản thân có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ, việc hòa giải hoặc vì lý do khác dẫn đến không thể bảo đảm khách quan, công bằng trong hòa giải.

- Thông báo kịp thời cho tổ trưởng tổ hòa giải để báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có biện pháp phòng ngừa trong trường hợp thấy mâu thuẫn, tranh chấp nghiêm trọng có thể dẫn đến hành vi bạo lực gây ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của các bên hoặc gây mất trật tự công cộng.

- Thông báo kịp thời cho tổ trưởng tổ hòa giải để báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý trong trường hợp phát hiện mâu thuẫn, tranh chấp có dấu hiệu vi phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc pháp luật về hình sự.

9. Sau nhiều năm tham gia công tác hòa giải ở Tổ dân phố, nay do tuổi cao, ông T có nguyện vọng xin thôi làm hòa giải viên. Xin hỏi, việc thôi làm hòa giải viên của ông T được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 11 Luật hòa giải ở cơ sở quy định việc thôi làm hòa giải viên như sau:

Việc thôi làm hòa giải viên được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

- Theo nguyện vọng của hòa giải viên;
- Hòa giải viên không còn đáp ứng một trong các tiêu chuẩn quy định tại Điều 7 của Luật hòa giải ở cơ sở;
- Vi phạm nguyên tắc tổ chức, hoạt động hòa giải ở cơ sở theo quy định tại Điều 4 của Luật hòa giải ở cơ sở hoặc không có điều kiện tiếp tục làm hòa giải viên do bị xử lý vi phạm pháp luật.

Do tuổi cao, ông T tự nguyện xin thôi làm hòa giải viên; do đó:

- Tổ trưởng Tổ hòa giải đề nghị Trưởng ban công tác Mặt trận phối hợp với tổ trưởng tổ dân phố làm văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường ra quyết định cho ông T thôi làm hòa giải viên.

- Quyết định cho ông T thôi làm hòa giải viên được gửi Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, Trưởng ban công tác Mặt trận, tổ trưởng tổ dân phố, ông T và thông báo công khai ở tổ dân phố.

10. Tổ hòa giải được Luật hòa giải ở cơ sở quy định như thế nào?

Trả lời:

Luật hòa giải ở cơ sở tiếp tục khẳng định: Tổ hòa giải là tổ chức tự quản của nhân dân được thành lập ở cơ sở để hoạt động hòa giải theo quy định của Luật hòa giải ở cơ sở và quy định cụ thể về cơ cấu, thành phần của tổ hòa giải.

Điều 12 quy định về tổ hòa giải như sau:

- Tổ hòa giải có tổ trưởng và các hòa giải viên. Mỗi tổ hòa giải có từ 03 hòa giải viên trở lên, trong đó có hòa giải viên nữ. Đối với vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, tổ hòa giải phải có hòa giải viên là người dân tộc thiểu số.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định số lượng tổ hòa giải, hòa giải viên trong một tổ hòa giải căn cứ vào đặc điểm, tình hình kinh tế - xã hội, dân số của địa phương và đề nghị của Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

- Hằng năm, Trưởng ban công tác Mặt trận chủ trì phối hợp với tổ trưởng tổ hòa giải tiến hành rà soát, đánh giá về tổ chức, hoạt động của tổ hòa giải và kiến nghị Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã kiện toàn tổ hòa giải.

11. Theo quy định của Luật hòa giải ở cơ sở thì tổ hòa giải có trách nhiệm gì?

Trả lời:

Tổ hòa giải có trách nhiệm sau đây:

- Tổ chức thực hiện hòa giải.
- Tổ chức trao đổi kinh nghiệm, thảo luận các giải pháp để tiến hành hòa giải vụ, việc phức tạp.
- Phối hợp với Ban công tác Mặt trận, Chi hội phụ nữ, Chi đoàn thanh niên, Chi hội cựu chiến binh, Chi hội nông dân, Chi hội người cao tuổi, các tổ hòa giải và tổ chức, cá nhân khác trong hoạt động hòa giải ở cơ sở.
- Kiến nghị với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã về hoạt động hòa giải ở cơ sở, các điều kiện cần thiết cho hoạt động hòa giải ở cơ sở.
- Đề nghị khen thưởng tổ hòa giải, hòa giải viên có thành tích xuất sắc trong công tác hòa giải.

12. Xin hỏi việc bầu Tổ trưởng tổ hòa giải được tiến hành như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 14 Luật hòa giải ở cơ sở thì tổ trưởng tổ hòa giải do hòa giải viên bầu trong số các hòa giải viên để phụ trách tổ hòa giải.

Việc bầu tổ trưởng tổ hòa giải được thực hiện dưới sự chủ trì của Trưởng ban công tác Mặt trận bằng hình thức biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín. Kết quả bầu tổ trưởng tổ hòa giải được lập thành văn bản và gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để ra quyết định công nhận.

13. Tổ trưởng tổ hòa giải còn có những quyền và nghĩa vụ gì?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 15 Luật hòa giải ở cơ sở, tổ trưởng tổ hòa giải có các quyền, nghĩa vụ của hòa giải viên và có các quyền, nghĩa vụ sau đây:

- Phân công, phối hợp hoạt động của các hòa giải viên.
- Đại diện cho tổ hòa giải trong quan hệ với Trưởng ban công tác Mặt trận, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác trong thực hiện trách nhiệm của tổ hòa giải.

- Đề nghị cho thôi làm hòa giải viên.

- Báo cáo kịp thời với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp thấy mâu thuẫn, tranh chấp nghiêm trọng có thể dẫn đến hành vi bạo lực gây ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của các bên hoặc gây mất trật tự công cộng hoặc trường hợp phát hiện mâu thuẫn, tranh chấp có dấu hiệu vi phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc pháp luật về hình sự.

- Báo cáo hằng năm và báo cáo đột xuất về tổ chức và hoạt động của tổ hòa giải với Ủy ban nhân dân, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

- Phối hợp với tổ trưởng tổ hòa giải khác để trao đổi kinh nghiệm hoặc tiến hành hòa giải những vụ, việc liên quan đến các thôn, tổ dân phố khác nhau.

14. Căn cứ tiến hành hòa giải được Luật hòa giải ở cơ sở quy định như thế nào?

Trả lời:

Hòa giải ở cơ sở được tiến hành khi có một trong các căn cứ sau đây:

Một bên hoặc các bên yêu cầu hòa giải;

Hòa giải viên chứng kiến hoặc biết vụ, việc thuộc phạm vi hòa giải;

Theo phân công của tổ trưởng tổ hòa giải hoặc đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

15. Các bên có quyền và nghĩa vụ gì trong hòa giải ?

Trả lời: Trong hòa giải các bên có các quyền và nghĩa vụ sau:

Lựa chọn, đề xuất hòa giải viên, địa điểm, thời gian để tiến hành hòa giải.

Đồng ý hoặc từ chối hòa giải; yêu cầu tạm dừng hoặc chấm dứt hòa giải.

Yêu cầu việc hòa giải được tiến hành công khai hoặc không công khai.

Được bày tỏ ý chí và quyết định về nội dung giải quyết hòa giải.

Trình bày đúng sự thật các tình tiết của vụ, việc; cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan.

Tôn trọng hòa giải viên, quyền của các bên có liên quan.

Không gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự tại địa điểm hòa giải.

16. Tổ trưởng Tổ hòa giải phân công hòa giải viên trong những trường hợp nào?

Trả lời:

Tổ trưởng tổ hòa giải phân công hòa giải viên tiến hành hòa giải trong trường hợp các bên không lựa chọn hòa giải viên.

Tổ trưởng tổ hòa giải không phân công hòa giải viên tiến hành hòa giải nếu có căn cứ cho rằng hòa giải viên có quyền, lợi ích, nghĩa vụ liên quan đến vụ, việc hòa giải hoặc có lý do khác dẫn đến không thể bảo đảm khách quan, công bằng trong hòa giải.

Trong quá trình hòa giải, nếu hòa giải viên vi phạm nguyên tắc hoạt động hòa giải hoặc nghĩa vụ khác của hòa giải viên thì tổ trưởng tổ hòa giải phân công hòa giải viên khác thực hiện việc hòa giải.

17. Nếu cần trong hoạt động hòa giải có thể mời những người như thế nào tham gia hòa giải?

Trả lời:

Trong quá trình hòa giải, nếu thấy cần thiết, hòa giải viên và một trong các bên khi được sự đồng ý của bên kia có thể mời người có uy tín trong dòng họ, ở nơi sinh sống, nơi làm việc; người có trình độ pháp lý, có kiến thức xã hội; già làng, chức sắc tôn giáo, người biết rõ vụ, việc; đại diện của cơ quan, tổ chức hoặc người có uy tín khác tham gia hòa giải.

Người được mời tham gia hòa giải phải tuân thủ các nguyên tắc hoạt động hòa giải ở cơ sở.

Cơ quan, tổ chức có người được mời tham gia hòa giải có trách nhiệm tạo điều kiện để họ tham gia hòa giải.

18. Địa điểm, thời gian hòa giải, tiến hành hòa giải được pháp luật về hòa giải quy định như thế nào?

Trả lời:

Địa điểm hòa giải là nơi xảy ra vụ, việc hoặc nơi do các bên hoặc hòa giải viên lựa chọn, bảo đảm thuận lợi cho các bên.

Thời gian hòa giải là trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày được phân công, hòa giải viên bắt đầu tiến hành hòa giải, trừ trường hợp cần thiết phải hòa giải ngay khi chứng kiến vụ, việc hoặc các bên có thỏa thuận khác về thời gian hòa giải.

Việc tiến hành hòa giải được thực hiện như sau:

Hòa giải được tiến hành trực tiếp, bằng lời nói với sự có mặt của các bên. Trong trường hợp các bên có người khuyết tật thì có sự hỗ trợ phù hợp để có thể tham gia hòa giải.

Hòa giải được tiến hành công khai hoặc không công khai theo ý kiến thống nhất của các bên.

Tùy thuộc vào vụ, việc cụ thể, trên cơ sở quy định của pháp luật, đạo đức xã hội, phong tục, tập quán tốt đẹp của nhân dân, hòa giải viên áp dụng các biện pháp thích hợp nhằm giúp các bên hiểu rõ về quyền lợi, trách nhiệm của mỗi bên trong vụ, việc để các bên thỏa thuận việc giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp và tự nguyện thực hiện thỏa thuận đó.

Trong trường hợp không đạt được thỏa thuận, hòa giải viên hướng dẫn các bên đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hòa giải viên có trách nhiệm ghi nội dung vụ, việc hòa giải vào Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở.

Trường hợp các bên đồng ý thì lập văn bản hòa giải thành theo quy định của Luật Hòa giải cơ sở.

19. Hòa giải giữa các bên ở thôn, tổ dân phố khác nhau được quy định như thế nào ?

Trả lời:

Trong trường hợp các bên ở thôn, tổ dân phố khác nhau, thì tổ trưởng tổ hòa giải hoặc hòa giải viên được phân công hòa giải ở các thôn, tổ dân phố đó phối hợp, trao đổi thông tin, bàn về biện pháp tiến hành hòa giải và thông báo với Trưởng ban công tác Mặt trận tại nơi đó cùng phối hợp giải quyết.

Các hòa giải viên phối hợp tiến hành hòa giải và thông báo kịp thời với tổ trưởng tổ hòa giải về kết quả hòa giải.

20. Hoạt động hòa giải kết thúc khi nào?

Trả lời:

Trong những trường hợp sau đây hòa giải kết thúc:

Các bên đạt được thỏa thuận.

Một bên hoặc các bên yêu cầu chấm dứt hòa giải.

Hòa giải viên quyết định kết thúc hòa giải khi các bên không thể đạt được thỏa thuận và việc tiếp tục hòa giải cũng không thể đạt được kết quả.

21. Thế nào là hòa giải thành? Văn bản hòa giải thành gồm những nội dung gì?

Trả lời:

Hòa giải thành là trường hợp các bên đạt được thỏa thuận.

Các bên có thể thỏa thuận lập văn bản hòa giải thành gồm các nội dung chính sau đây:

Căn cứ tiến hành hòa giải;

Thông tin cơ bản về các bên;

Nội dung chủ yếu của vụ, việc;

Diễn biến của quá trình hòa giải;

Thỏa thuận đạt được và giải pháp thực hiện;

Quyền và nghĩa vụ của các bên;

Phương thức, thời hạn thực hiện thỏa thuận;

Chữ ký hoặc dấu chỉ của các bên và của hòa giải viên.

22. Thế nào là hòa giải không thành?

Trả lời:

Hòa giải không thành là trường hợp các bên không đạt được thỏa thuận.

Trong trường hợp này, các bên có quyền yêu cầu tiếp tục hòa giải hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

23. Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên được quy định như nào?

Trả lời:

1. Tổ trưởng tổ hòa giải lập hồ sơ đề nghị thanh toán thù lao cho hòa giải viên, bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán thù lao của hòa giải viên có ghi rõ họ, tên, địa chỉ của hòa giải viên; tên, địa chỉ tổ hòa giải; số tiền đề nghị thanh toán; nội dung thanh toán (có danh sách các vụ, việc trong trường hợp đề nghị thanh toán thù lao cho nhiều vụ, việc); chữ ký của hòa giải viên; chữ ký xác nhận của tổ trưởng tổ hòa giải và xuất trình Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở để đối chiếu khi cần thiết.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định và trả thù lao cho hòa giải viên thông qua tổ hòa giải; trường hợp quyết định không thanh toán cho hòa giải viên thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Tổ hòa giải trả thù lao cho hòa giải viên theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được thù lao.

24. Các khoản được hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ?

Trả lời:

1. Hòa giải viên khi gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở được hỗ trợ như sau:

a) Chi phí cần thiết, hợp lý cho việc cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất hoặc giảm sút;

b) Thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút; nếu thu nhập thực tế của hòa giải viên không ổn định hoặc không thể xác định được thì áp dụng cách tính theo thu nhập bình quân hàng ngày của người làm công ăn lương chia theo khu vực thành thị, nông thôn, loại hình kinh tế ngoài nhà nước trong thời gian cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất hoặc giảm sút.

2. Gia đình của hòa giải viên bị thiệt hại về tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở được hỗ trợ một lần bằng tiền để chi phí cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, chăm sóc hòa giải viên trước khi chết; người tổ chức mai táng được hỗ trợ chi phí cho việc mai táng.

25. Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải được quy định như thế nào?

Trả lời:

1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ được lập thành 01 bộ, bao gồm:

a) Giấy đề nghị hỗ trợ của hòa giải viên hoặc gia đình hòa giải viên trong trường hợp hòa giải viên bị thiệt hại về tính mạng có xác nhận của tổ trưởng tổ hòa giải hoặc Trưởng ban công tác Mặt trận trong trường hợp hòa giải viên bị thiệt hại là tổ trưởng tổ hòa giải. Giấy đề nghị hỗ trợ phải ghi rõ họ tên, địa chỉ của người yêu cầu hỗ trợ; lý do yêu cầu hỗ trợ;

b) Biên bản xác nhận tình trạng của hòa giải viên bị tai nạn có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra tai nạn hoặc cơ quan công an nơi xảy ra tai nạn (bản chính hoặc bản sao có chứng thực trong trường hợp gửi qua đường bưu điện; bản photo và bản chính để đối chiếu trong trường hợp nộp trực tiếp);

c) Giấy ra viện, hóa đơn thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh (bản chính hoặc bản sao có chứng thực trong trường hợp gửi qua đường bưu điện; bản photo và bản chính để đối chiếu trong trường hợp nộp trực tiếp);

d) Văn bản, giấy tờ hợp lệ về thu nhập thực tế theo tiền lương, tiền công hằng tháng của người bị tai nạn có xác nhận của tổ chức hoặc cá nhân sử dụng lao động đề cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút (bản chính hoặc bản sao có chứng thực trong trường hợp gửi qua đường bưu điện; bản photo và bản chính để đối chiếu trong trường hợp nộp trực tiếp), bao gồm: Hợp đồng lao động, quyết định nâng lương của tổ chức hoặc cá nhân sử dụng lao động hoặc bản kê có thu nhập thực tế của hòa giải viên bị tai nạn và các giấy tờ chứng minh thu nhập thực tế hợp pháp khác (nếu có);

đ) Giấy chứng tử trong trường hợp hòa giải viên bị thiệt hại về tính mạng (bản chính hoặc bản sao có chứng thực trong trường hợp gửi qua đường bưu điện; bản photo và bản chính để đối chiếu trong trường hợp nộp trực tiếp).

2. Hòa giải viên hoặc gia đình hòa giải viên trong trường hợp hòa giải viên bị thiệt hại về tính mạng nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo quy định tại Khoản 1 Điều này đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã ra quyết định công nhận hòa giải viên.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện kèm theo hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, ra quyết định hỗ trợ; trường hợp không hỗ trợ thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Chậm nhất sau 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc chi tiền hỗ trợ.

26. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong hoạt động hòa giải ở cơ sở được quy định như thế nào?

Trả lời:

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở tại địa phương; trình dự toán kinh phí hỗ trợ cho công tác hòa giải ở cơ sở tại địa phương để Hội đồng nhân dân có thẩm quyền xem xét quyết định; tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ và kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về hòa giải ở cơ sở; xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ cho hoạt động hòa giải; thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên tại địa phương;

Chủ trì phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết và khen thưởng về hòa giải ở cơ sở.

Báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp, Ủy ban nhân dân cấp huyện kết quả thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở.

27. Trong hòa giải ở cơ sở, trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên của Mặt trận được quy định như thế nào?

Trả lời:

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tham gia quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở; vận động tổ chức, cá nhân chấp hành pháp luật, giám sát việc thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở; phối hợp kiểm tra, sơ kết, tổng kết và khen thưởng về hòa giải ở cơ sở.

Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tham gia tổ chức thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở.

Các tổ chức thành viên của Mặt trận trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở theo quy định của pháp luật.

28. Khi Luật hòa giải ở cơ sở có hiệu lực ngày 01/01/2014 thì các tổ hòa giải thành lập trước đây sẽ như thế nào?

Trả lời:

Kể từ ngày Luật hòa giải ở cơ sở có hiệu lực, các tổ hòa giải, tổ viên tổ hòa giải được thành lập, công nhận theo Pháp lệnh về tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở được tiếp tục hoạt động mà không phải làm thủ tục công nhận lại.